TÒA ÁN NHÂN DÂN T.P P1 **TỈNH T1**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2025/QĐST-VHNGĐ	*Phổ Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH T1

Căn cứ vào Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 16/2025/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con"* giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lương Ngọc T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường B, T.P P1, tỉnh T1.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm T, xã P, T.P P1, tỉnh T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Ngọc T và chị Nguyễn Thị Ngọc A kết hôn tự nguyện vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Phổ Yên, tỉnh T1 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh T và chị A chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, đến năm 2017 anh T về nước, vợ chồng chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong việc quản lý kinh tế và công việc làm ăn nên thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đầu năm 2021 anh chị đã ly thân cho đến nay. Cho đến thời điểm này anh T và chị A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 3 năm 2025 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh Lương Ngọc T và chị Nguyễn Thị Ngọc A có 02 con chung là Lương Anh Đ, sinh ngày 17/01/2015 và Lương Ngọc T

A, sinh ngày 31/12/2019. Khi ly hôn anh chị thoả thuận giao cả hai con chung cho chị Nguyễn Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị A thoả thuận hàng tháng anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000đ/2con/tháng, kể từ tháng 3/2025 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi); Không yêu cầu tính lãi suất trong trường hợp anh T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có.

[5] Về vấn đề khác: Không có.

[6] Về lệ phí: Anh Lương Ngọc T và chị Nguyễn Thị Ngọc A thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành mà không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lương Ngọc T và chị Nguyễn Thị Ngọc A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đều thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Lương Ngọc T và chị Nguyễn Thị Ngọc A xác định quá trình chung sống có 02 con chung là Lương Anh Đ, sinh ngày 17/01/2015 và Lương Ngọc T A, sinh ngày 31/12/2019. Anh T và chị Ngọc Anh thoả thuận:

Giao cả hai con chung Lương Anh Đ, Lương Ngọc T A cho chị Nguyễn Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ tháng 3/2025, hàng tháng, anh Lương Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000đ/2 con (ba triệu đồng cho hai con) cho các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Lương Ngọc T và chị Nguyễn Thị Ngọc A thoả thuận không yêu cầu tính lãi suất trong trường hợp anh T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung, khoản cho vay chung*: Không có.

- *Về vấn đề khác*: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lương Ngọc T và chị Nguyễn Thị Ngọc A thoả thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001485 ngày 03/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh T1.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh T1;
- TAND tỉnh T1;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND phường B;
(ĐKKH số 21 ngày 09/7/2014);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Dung